

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	- Bảng cân đối kế toán	6 – 8
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
	- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phó Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Ninh Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo tài chính, sổ sách và chứng từ kế toán cho các Kiểm toán viên.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

T.M Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH TUYỀN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 125.3/2015/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam được lập ngày 24 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rõ rằng:

1. Khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng số 01/HĐHTĐT-VIS ngày 19/12/2014 số tiền 13.428.000.000 VND (như đã trình bày tại Thuyết minh số V.03 – Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) chiếm 21,25% Vốn chủ sở hữu vượt tỷ lệ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Hợp đồng này đã được thanh lý, toàn bộ số tiền gốc và lãi của khoản đầu tư này đã được bên đối tác thanh toán sau ngày khóa sổ kế toán năm 2015.

2. Tại ngày 31/12/2015, Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa là 15.567.798.650 VND chiếm 24,64% Vốn chủ sở hữu vượt tỷ lệ quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1129-2014-045-1

NGUYỄN TIẾN THÀNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1706-2014-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.528.837.427	243.920.891.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	43.851.822.065	81.896.621.588
1. Tiền	111		43.851.822.065	75.896.621.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.341.060.903	28.826.198.119
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	31.582.717.133	31.582.808.533
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.241.656.230)	(2.756.610.414)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	146.365.448.041	125.316.687.308
1. Phải thu khách hàng	131		35.680.249.849	35.925.527.237
2. Trả trước cho người bán	132		86.767.330	262.267.330
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		106.900.157.146	84.717.706.836
5. Các khoản phải thu khác	138		10.998.439.673	9.105.724.118
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.300.165.957)	(4.694.538.213)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.970.506.418	7.881.384.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		107.933.003	813.339.082
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	16.500
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		809.380.655	809.380.655
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	6.053.192.760	6.258.648.283
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.346.971.837	7.365.297.082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		2.123.775.749	5.757.198.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	1.227.285.907	3.538.202.779
- Nguyên giá	222		26.696.165.595	25.809.106.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.468.879.688)	(22.270.903.841)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	896.489.842	2.218.996.000
- Nguyên giá	228		12.677.194.332	12.677.194.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.780.704.490)	(10.458.198.332)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		900.000.000	900.000.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	900.000.000	900.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.323.196.088	708.098.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	319.735.800	375.989.003
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	487.920.061	120.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	515.540.227	212.109.300
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		230.875.809.264	251.286.188.617

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		167.687.192.743	190.742.555.752
I. Nợ ngắn hạn	310		167.221.485.192	190.418.504.706
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	77.750.000.000	112.900.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.12	16.665.622.782	16.665.622.782
3. Người mua trả tiền trước	313		121.000.000	35.750.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	666.682.316	489.040.957
5. Phải trả người lao động	315		12.552.469	70.273.716
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2.313.626.520	1.974.577.676
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	31.841.689.922	6.092.384.858
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.16	37.830.504.060	52.020.220.118
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		19.807.123	157.486.782
15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	13.147.817
II. Nợ dài hạn	330		465.707.551	324.051.046
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		465.707.551	324.051.046
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.188.616.521	60.543.632.865
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	63.188.616.521	60.543.632.865
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		98.746.659	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.943.702	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.067.926.160	543.632.865
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		230.875.809.264	251.286.188.617

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		1.120.038.220.000	924.044.300.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		754.506.470.000	814.928.260.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		1.346.400.000	1.346.780.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		748.453.880.000	809.092.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		4.706.190.000	4.489.220.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		11.206.780.000	81.844.280.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		11.206.780.000	81.844.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

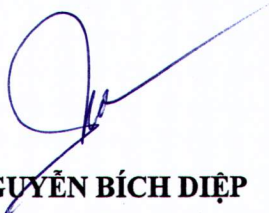
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		329.286.680.000	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		329.286.680.000	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		24.099.200.000	27.271.760.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		24.099.200.000	27.271.760.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		939.090.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		937.130.000	-
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		1.960.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		31.753.690.000	-
7.1. Chứng khoán giao dịch	051		20.873.690.000	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		1.893.380.000	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		18.805.360.000	-
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		174.950.000	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		7.100.000.000	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		7.100.000.000	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061		3.780.000.000	-
7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		3.780.000.000	-

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP

NGUYỄN THANH TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.18	38.002.619.103	13.121.904.847
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		14.709.376.225	5.905.705.488
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.153.850.480	33.197.749
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		16.515.463.941	5.892.003.533
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		672.147.476	218.999.365
- Doanh thu khác	01.9		1.951.780.981	1.071.998.712
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	76.636.218
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		38.002.619.103	13.045.268.629
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.19	18.811.037.148	6.852.840.196
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		19.191.581.955	6.192.428.433
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.20	16.383.183.952	4.090.584.258
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.808.398.003	2.101.844.175
8. Thu nhập khác	31	VI.21	152.101.239	93.452.652
9. Chi phí khác	32	VI.22	45.522.495	1.921.000.553
10. Lợi nhuận khác	40		106.578.744	(1.827.547.901)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.914.976.747	274.296.274
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.23	171.246.433	54.859.255
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.743.730.314	219.437.019
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

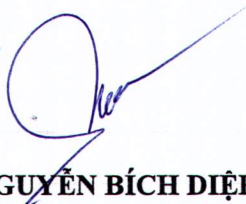
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỲNH MAI



NGUYỄN BÍCH DIỆP



NGUYỄN THANH TUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.914.976.747	274.296.274
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	3.838.423.030	1.116.884.687
- Các khoản dự phòng	03	2.090.673.560	(37.335.299)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(642.051.256)	(209.364.540)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.450.367.732)	21.811.168
- Chi phí lãi vay	06	6.160.158.930	2.273.226.384
3. Lợi nhuận từ hã kinh doanh trước thay đổi VLD	08	9.911.813.279	3.439.518.674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.199.861.768)	96.107.378.010
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.841.102.449	(109.111.429.718)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	458.228.355	92.001.880
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.121.610.598)	2.028.548.825
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(55.006.881)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	0	10.767.458.705.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(367.920.061)	(10.774.512.718.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.533.255.225)	(14.497.995.267)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(205.000.000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	0	10.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của dv khác	24	91.400	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.843.364.302	58.620.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.638.455.702	68.620.462
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	386.050.000.000	228.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(421.200.000.000)	(215.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.150.000.000)	12.700.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(38.044.799.523)	(1.729.374.805)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	81.896.621.588	83.625.996.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.851.822.065	81.896.621.588

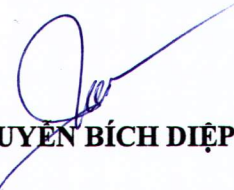
Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN QUỲNH MAI


NGUYỄN BÍCH DIỆP


NGUYỄN THANH TUYỀN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000	0	0	0	0	60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		0	0	0	0	98.746.659	0	0	98.746.659
8. Quỹ dự phòng tài chính		0	0	0	0	21.943.702	0	0	21.943.702
10. Lợi nhuận chưa phân phối		324.195.846	543.632.865	219.437.019	0	2.743.730.314	219.437.019	543.632.865	3.067.926.160
Cộng		60.324.195.846	60.543.632.865	219.437.019	0	2.864.420.675	219.437.019	60.543.632.865	63.188.616.521

Người lập



NGUYỄN QUỲNH MAI

Kế toán trưởng



NGUYỄN BÍCH DIỆP

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẠNH TUYẾN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 09 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty được hợp nhất từ 02 công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC).

Tên giao dịch của Công ty: VIETNAM INTERNATIONAL SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: VISECURITIES

Vốn điều lệ theo Giấy phép số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 là: **60.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 - Phố Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Phần mềm tin học	20 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Mức dự} \\
 \text{phòng tổn} \\
 \text{thất các} \\
 \text{khoản đầu} \\
 \text{tư tài chính}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Vốn góp thực tế} \\
 \text{của các bên tại} \\
 \text{tổ chức kinh tế}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Vốn chủ} \\
 \text{sở hữu thực} \\
 \text{có}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp} \\
 \hline
 \text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\
 \text{bên tại tổ chức kinh tế}
 \end{array}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thuê nhà.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc trích lập dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập 1% từ hoa hồng nhập lệnh của nhân viên nhập lệnh (hoa hồng nhập lệnh 5% , trích quỹ 1% nhân viên nhập lệnh 4%) được quy định cụ thể tại quy chế tài chính của Công ty. Việc sử dụng quỹ này được quy định tại quy chế của công ty khi nhân viên nhập lệnh mua sai sẽ trích 80% từ quỹ dự phòng và 20% nhân viên nhập lệnh sai chịu (nếu quỹ dự phòng vẫn còn), nhân viên nhập lệnh phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% nếu như quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư không còn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo phương án hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Tây Dương (OSC) đã được thông qua tại Biên bản làm việc ngày 02/01/2014. Theo đó công ty hợp nhất sẽ lấy tên, thương hiệu và hoạt động trên nền tảng nhà đầu tư, sản phẩm, công nghệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) với tổng tài sản trên 410 tỷ đồng và vốn điều lệ 60 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 10 năm kể từ khi khai trương hoạt động kinh doanh.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	259.746	259.746
- Tiền gửi ngân hàng	43.851.562.319	75.896.361.842
Trong đó:		
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	37.884.930.202	52.076.055.550
- Các khoản tương đương tiền	0	6.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đệ Nhất	0	6.000.000.000
Cộng	<u>43.851.822.065</u>	<u>81.896.621.588</u>

02. Tình hình đầu tư tài chính	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu niêm yết	3.322.618.483	3.319.709.883
- Cổ phiếu chưa niêm yết	28.259.498.650	28.259.498.650
- Cổ phiếu chờ nhận	0	0
- Trái phiếu	600.000	3.600.000
Cộng	<u>31.582.717.133</u>	<u>31.582.808.533</u>

Ghi chú: Các chứng khoán đến ngày đáo hạn gồm cổ phiếu OTC và Trái phiếu không có sự biến động giá nên không thuyết minh trên Phụ lục 01 này chỉ thuyết minh bổ sung cho cổ phiếu niêm yết giảm giá

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ		Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	
	Mua	Bán	Mua	Bán
a. Cửa công ty chứng khoán	0	22	0	161.700
- Cổ phiếu		22		161.700
- Trái phiếu				
- Chứng khoán khác				
b. Cửa nhà đầu tư	289.327.878	289.338.358	4.390.575.116.500	4.382.380.997.200
- Cổ phiếu	289.327.878	289.338.358	4.390.575.116.500	4.382.380.997.200
- Trái phiếu				
- Chứng khoán khác				
Tổng cộng	289.372.878	289.338.380	4.390.575.116.500	4.382.381.158.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

03. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng	
	Trong kỳ	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn			
						Số khó đòi	Số khó đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	35.925.527.237	192.030.314	192.030.314	412.588.004.276	412.833.281.664	35.680.249.849	192.030.314	192.030.314	192.030.314
- Công ty CP Khoan và DV Dầu khí (PVD)	21.181.709.604	0	0	642.051.256	0	21.823.760.860	0	0	0
- Ngô Thị Lan (*)	13.428.000.000			0	0	13.428.000.000			
- Phải thu theo Hợp đồng bán quyền nhận tiền bán chứng khoán	1.123.787.319	0	0	411.945.953.020	412.833.281.664	236.458.675	0	0	0
- Các đối tượng khác	192.030.314	192.030.314	192.030.314	0	0	192.030.314	192.030.314	192.030.314	192.030.314
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	84.717.706.836	0	0	2.295.258.793.637	2.273.076.343.327	106.900.157.146	0	0	0
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	0	0	0	161.700	161.700	0	0	0	0
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	84.627.456.436	0	0	2.295.258.631.937	2.273.023.381.627	106.862.706.746	0	0	0
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	90.250.400	0	0	0	52.800.000	37.450.400	0	0	0
3. Thuế GTGT được khấu trừ	16.500	0	0	378.518.887	378.535.387	0	0	0	0
4. Phải thu nội bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Phải thu khác	9.105.724.118	4.502.507.899	4.502.507.899	738.586.514.374	736.693.798.819	10.998.439.673	7.108.135.643	7.108.135.643	7.108.135.643
- Phải thu của nhà đầu tư	7.108.135.643	4.502.507.899	4.502.507.899	0	0	7.108.135.643	7.108.135.643	7.108.135.643	7.108.135.643
- Phải thu tiền lãi hợp tác đầu tư (*)	0	0	0	2.607.241.230	0	2.607.241.230	0	0	0
- Các đối tượng khác	1.997.588.475	0	0	735.979.273.144	736.693.798.819	1.283.062.800	0	0	0
6. Trả trước cho người bán	262.267.330	0	0	69.068.500	244.568.500	86.767.330	0	0	0
Tổng cộng:	130.011.242.021	4.694.538.213	4.694.538.213	3.446.880.899.674	3.423.226.527.697	153.665.613.998	7.300.165.957	7.300.165.957	7.300.165.957

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTĐT-VIS ngày 19/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

04. Tài sản ngắn hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tạm ứng	6.053.192.760	6.258.648.283
+ Nguyễn Anh Tuấn	0	2.785.071.487
+ Trần Văn Toàn	1.800.000.000	1.650.000.000
+ Ngô Thanh Phát	1.600.000.000	1.450.000.000
+ Nguyễn Thanh Tuyên	2.094.040.000	0
+ Các đối tượng khác	559.152.760	373.576.796
Cộng	6.053.192.760	6.258.648.283

05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>			
Tại ngày đầu năm	24.073.446.640	1.735.659.980	25.809.106.620
- Mua trong năm	205.000.000	0	205.000.000
- Tăng khác	682.058.975	0	682.058.975
Tại ngày cuối năm	24.960.505.615	1.735.659.980	26.696.165.595
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Tại ngày đầu năm	20.995.599.221	1.275.304.620	22.270.903.841
- Khấu hao trong năm	2.386.674.102	129.242.770	2.515.916.872
- Tăng khác	682.058.975	0	682.058.975
Tại ngày cuối năm	24.064.332.298	1.404.547.390	25.468.879.688
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>			
Tại ngày đầu năm	3.077.847.419	460.355.360	3.538.202.779
Tại ngày cuối năm	896.173.317	331.112.590	1.227.285.907

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Tại ngày đầu năm	12.677.194.332	12.677.194.332
Tại ngày cuối năm	12.677.194.332	12.677.194.332
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Tại ngày đầu năm	10.458.198.332	10.458.198.332
- Khấu hao trong năm	1.322.506.158	1.322.506.158
Tại ngày cuối năm	11.780.704.490	11.780.704.490
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>		
Tại ngày đầu năm	2.218.996.000	2.218.996.000
Tại ngày cuối năm	896.489.842	896.489.842

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
07. Đầu tư dài hạn khác		
- Công ty CP Bất động sản Quốc Tế (Địa chỉ: Số 2 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh)	900.000.000	900.000.000
Cộng	900.000.000	900.000.000
08. Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	298.030.934	318.937.717
- Chi phí khác	21.704.866	57.051.286
Cộng	319.735.800	375.989.003
09. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	365.882.428	0
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.037.633	0
Cộng	487.920.061	120.000.000
10. Tài sản dài hạn khác		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	515.540.227	212.109.300
+ Đặt cọc tiền thuê văn phòng	511.190.227	207.759.300
+ Đặt cọc khác	4.350.000	4.350.000
Cộng	515.540.227	212.109.300

11. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn	Lãi suất/năm	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
- Vay ngân hàng + NH TMCP Phương Đông (1)	1,5%-8,6%	112.100.000.000	322.400.000.000	384.500.000.000	50.000.000.000
- Vay cá nhân (2)	8% - 8,5%	800.000.000	63.650.000.000	36.700.000.000	27.750.000.000
Cộng		112.900.000.000	386.050.000.000	421.200.000.000	77.750.000.000

(1): Vay ngắn hạn NH TMCP Phương Đông

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0668/2014/HỆTDHM ngày 18/11/2014

Hạn mức cho vay: 50.000.000.000

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng từ 18/11/2015 đến 18/08/2016

Lãi suất: Theo từng kế ước nhận nợ

Tài sản đảm bảo: Cầm cố, thế chấp:

+/ 3.547.796 cp Cty CP CK Quốc tế Việt Nam

+/ 3.500,000 cp Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam do Công ty Cp Thực Phẩm Xanh

sở hữu

(2): Vay ngắn hạn cá nhân

Vay ngắn hạn cá nhân khác:

Số tiền: 3.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
 Lãi suất cho vay: 8%/năm

Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng KCN Tây Ninh

* Hợp đồng ngày 30/12/2015

Số tiền: 14.000.000.000

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh

Lãi suất cho vay: 8.5%/năm

*Hợp đồng ngày 10/11/2015

Số tiền: 10.000.000.000

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh

Lãi suất cho vay: 8%/năm.

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
12. Phải trả người bán		
- Tổng Công ty Xây dựng	16.418.319.982	16.418.319.982
- Các đối tượng khác	247.302.800	247.302.800
Cộng	16.665.622.782	16.665.622.782
13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế thu giá trị gia tăng	4.980.781	18.657.615
- Thuế thu nhập cá nhân	490.602.728	415.524.087
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.098.807	54.859.255
Cộng	666.682.316	489.040.957
14. Chi phí phải trả		
- Phí kiểm toán	99.999.999	50.000.000
- Phí bảo trì phần mềm	1.430.743.860	1.535.407.860
- Chi phí phải trả Hostc và Hasc	234.599.437	122.748.405
- Chi phí phải trả khác	548.283.224	266.421.411
Cộng	2.313.626.520	1.974.577.676
15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	28.713.017	34.280.344
- Bảo hiểm xã hội	0	90.424.764
- Bảo hiểm y tế	0	6.150.564
- Bảo hiểm thất nghiệp	0	14.387.142
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	166.461.396	166.461.396
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.646.515.509	5.780.680.648
+ Cổ tức phải trả cổ đông VIS	1.757.915.831	1.757.915.831
+ Phải trả OSC về ứng trước tiền bán CK	26.183.000.000	0
+ Lãi phải trả OCB	72.500.000	167.826.389
+ Phải trả Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
+ Các khoản khác	2.083.099.678	2.304.938.428
Cộng	31.841.689.922	6.092.384.858

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

- Phải trả tổ chức, cá nhân khác

Cộng

Số cuối năm

37.830.504.060

37.830.504.060

Số đầu năm

52.020.220.118

52.020.220.118

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	0	0	60.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	0	98.746.659	0	98.746.659
4. Quỹ dự phòng tài chính	0	21.943.702	0	21.943.702
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	543.632.865	2.743.730.314	219.437.019	3.067.926.160
Tổng cộng	60.543.632.865	2.864.420.675	219.437.019	63.188.616.521

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
 - Cao Quế Lâm
 - Nguyễn Thị Thanh Hương
 - Nguyễn Thị Thu Trang
 - Trần Bình Ôn
 - Các đối tượng khác
Cộng

Số cuối năm

3.893.120.000

15.659.710.000

4.000.000.000

4.000.000.000

8.457.990.000

23.989.180.000

60.000.000.000

Số đầu năm

3.893.120.000

15.659.710.000

4.000.000.000

4.000.000.000

8.457.990.000

23.989.180.000

60.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm
 + Vốn góp tăng trong năm
 + Vốn góp giảm trong năm
 + Vốn góp cuối năm

Cổ tức và lợi nhuận đã chia

Năm nay

60.000.000.000

0

0

60.000.000.000

Năm trước

60.000.000.000

0

0

60.000.000.000

17.4 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
 Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
 Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

Số cuối kỳ

6.000.000

6.000.000

6.000.000

Số đầu năm

6.000.000

6.000.000

6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
18. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.709.376.225	5.905.705.488
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.153.850.480	33.197.749
- Doanh thu hoạt động tư vấn	16.515.463.941	5.892.003.533
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	672.147.476	218.999.365
- Doanh thu khác	1.951.780.981	1.071.998.712
Cộng	38.002.619.103	13.121.904.847
19. Chi phí hoạt động kinh doanh		
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	7.334.370.660	2.626.965.295
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	237.800	34.015.753
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	700.342.034	92.055.304
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư CK niêm yết	(514.954.184)	(37.335.299)
- Chi phí lãi vay	6.160.158.930	2.273.226.384
- Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	1.996.598.452	404.843.061
- Chi phí hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	654.715.331	673.233.029
- Chi phí chung khác	2.479.568.125	785.836.669
Cộng	18.811.037.148	6.852.840.196
20. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.787.705.369	1.195.859.115
- Chi phí vật liệu quản lý	53.958.760	33.833.655
- Chi phí đồ dùng văn phòng	101.520.683	26.919.134
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.838.423.030	1.116.884.687
- Thuế, phí, lệ phí	53.516.677	103.286.060
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.605.627.744	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.813.283.095	587.209.905
- Chi phí bằng tiền khác	3.129.148.594	1.026.591.702
Cộng	16.383.183.952	4.090.584.258
21. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	0	10.000.000
- Các khoản khác	152.101.239	83.452.652
Cộng	152.101.239	93.452.652

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

22. Chi phí khác	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Phạt chậm nộp thuế môn bài	23.850	0
- Hoàn thuế bán chứng khoán cho NĐT	0	14.945.464
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	0	1.905.305.089
- Chi phí khác	45.498.645	750.000
Cộng	<u>45.522.495</u>	<u>1.921.000.553</u>

23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>Năm nay</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.914.976.747
2. Các khoản thu nhập miễn thuế	2.082.478.206
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	23.733.625
4. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (4=1-2+3)	856.232.166
5. Số lỗ kết chuyển	0
6. Số thu nhập tính thuế TNDN trong năm (6=4-5)	856.232.166
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành (7=6*20%)	171.246.433

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Năm 2014 là năm đầu tiên hoạt động của Công ty sau hợp nhất nên Báo cáo tài chính năm 2014 chỉ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 15/9/2014 đến ngày 31/12/2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	Cho vay	1.350.000.000
Ninh Thu Thu Hà	Chị của thành viên HĐQT	Cho vay	800.000.000
		Thu lại tiền cho vay	800.000.000

3. Số dư với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	Cho vay	1.350.000.000

4. Công cụ tài chính**4.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 3, Số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	43.851.822.065	43.851.822.065
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.582.717.133	29.341.060.903
- Các khoản phải thu khách hàng	35.680.249.849	35.488.219.535
- Trả trước cho người bán	86.767.330	86.767.330
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	106.900.157.146	106.900.157.146
- Phải thu khác	10.998.439.673	3.890.304.030

4.3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2015

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	77.750.000.000
- Phải trả người bán	16.665.622.782
- Người mua trả tiền trước	121.000.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	37.830.504.060
- Chi phí phải trả	2.312.013.034
- Phải trả khác	31.841.689.922

4.4 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	16.665.622.782		16.665.622.782
- Người mua trả trước	121.000.000		121.000.000
- Phải trả khác	31.841.689.922		31.841.689.922
- Chi phí phải trả	2.312.013.034		2.312.013.034
- Các khoản vay	77.750.000.000		77.750.000.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	37.830.504.060		37.830.504.060

5. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
Ninh Quang Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000
Cao Thanh Định	Thành viên HĐQT	7.000.000
Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên HĐQT	24.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	1.000.000
Trần Bình Ôn	Ban Kiểm Soát	50.000.000
Nguyễn Thị Thu Hương	Ban Kiểm Soát	26.000.000
Cao Quế Lâm	Ban Kiểm Soát	16.000.000

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUỲNH MAI

NGUYỄN BÍCH DIỆP



NGUYỄN THANH TUYỀN

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

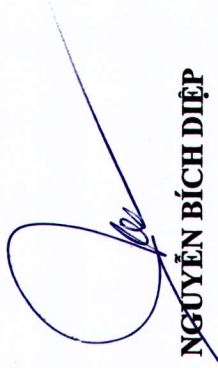
Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
I. Chứng khoán thương mại									
- Cổ phiếu									
- Trái phiếu									
- Chứng chỉ quỹ									
- Chứng khoán khác									
II. Chứng khoán đầu tư									
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.391.444	1.461.135	31.582.717.133	31.582.808.533	(2.241.656.230)	(2.756.610.414)	29.341.060.903	28.826.198.119	
- Cổ phiếu NY	134.268	132.381	3.322.618.483	3.319.709.883	(2.241.656.230)	(2.756.610.414)	1.080.962.253	563.099.469	
TNB	132.320	132.320	3.293.628.000	3.293.628.000	(2.235.017.120)	(2.751.065.120)	1.058.610.880	542.562.880	
Cổ phiếu lẻ khác	1.948	61.418	28.990.483	26.081.883	(6.639.110)	(5.545.294)	22.351.373	20.536.589	
- Cổ phiếu CNY	1.257.170	1.267.388	28.259.498.650	28.259.498.650			28.259.498.650	28.259.498.650	
Công ty CP Phát triển khu Công Nghiệp Tín Nghĩa	378	378	15.567.798.650	15.567.798.650			15.567.798.650	15.567.798.650	
Công ty CP XD Bảo tàng HCM	29,17	2.917	1.091.700.000	1.091.700.000			1.091.700.000	1.091.700.000	
Công ty CP kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng (Cotec)	150	150	3.900.000.000	3.900.000.000			3.900.000.000	3.900.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)	-	10.218	-	-			-	-	
Xi măng La Hiên	700	700	7.700.000.000	7.700.000.000			7.700.000.000	7.700.000.000	
- Trái phiếu	6	9	600.000	3.600.000	-	-	600.000	3.600.000	
ACB		3		3.000.000				3.000.000	
DBC	6	6	600.000	600.000			600.000	600.000	

Người lập



NGUYỄN QUỲNH MAI

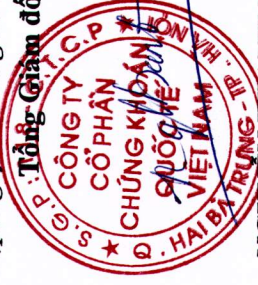
Kế toán trưởng



NGUYỄN BÍCH DIỆP

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN PHẠNH TUYẾN